Chi tiết mã HS 2903.11.10

Mã HS	2903.11.10
Mô tả hàng hóa	Dẫn xuất halogen hóa của hydrocarbon / - Các dẫn xuất clo hóa của hydrocarbon mạch hở, no: / - - Clorometan (clorua metyl) và cloroetan (clorua etyl): / - - - Clorometan (clorua metyl)
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	20/11/2026 06:45:45
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/29031110/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K3845
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N3845
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q3845
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ3845
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-MM)	0% (trừ MM)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	3.5	3,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E3789
ATIGA	2022	2022	0	AT!E3750
ATIGA	2023	2023	0	AT!F3750
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3750
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3750
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3750
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3750
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E3788
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F3788

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G3788
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H3788
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I3788
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J3788
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E3792
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F3792
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G3792
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H3792
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I3792
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J3792
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F3792
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H3756
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F3752
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G3752
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H3752
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I3752
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J3752
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K3752
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3752
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3752
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3752
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3752
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3752
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3752
VCFTA	2022	2022	0	VC!D3799
VCFTA	2023	2023	0	VC!E3799

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F3799
VCFTA	2025	2025	0	VC!G3799
VCFTA	2026	2026	0	VC!H3799
VCFTA	2027	2027	0	VC!I3799
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D3796
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E3796
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F3796
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G3796
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H3796
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I3796
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D3804
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E3804
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F3804
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G3804
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H3804
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I3804
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D3775
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E3775
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F3775
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G3775
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H3775
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I3775
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D3777
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E3777
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F3777
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G3777

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H3777
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I3777
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D3775
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E3775
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F3775
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G3775
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H3775
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I3775
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J3775
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D3796
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E3796
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F3796
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G3796
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H3796
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I3796
RCEP B	2022	2022	0	B!D3796
RCEP B	2023	2023	0	B!E3796
RCEP B	2024	2024	0	B!F3796
RCEP B	2025	2025	0	B!G3796
RCEP B	2026	2026	0	B!H3796
RCEP B	2027	2027	0	B!I3796
RCEP C	2022	2022	0	C!D3796
RCEP C	2023	2023	0	C!E3796
RCEP C	2024	2024	0	C!F3796
RCEP C	2025	2025	0	C!G3796
RCEP C	2026	2026	0	C!H3796

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I3796
RCEP D	2022	2022	0	D!D3796
RCEP D	2023	2023	0	D!E3796
RCEP D	2024	2024	0	D!F3796
RCEP D	2025	2025	0	D!G3796
RCEP D	2026	2026	0	D!H3796
RCEP D	2027	2027	0	D!I3796
RCEP E	2022	2022	0	E!D3799
RCEP E	2023	2023	0	E!E3799
RCEP E	2024	2024	0	E!F3799
RCEP E	2025	2025	0	E!G3799
RCEP E	2026	2026	0	E!H3799
RCEP E	2027	2027	0	E!I3799
RCEP F	2022	2022	0	F!D3796
RCEP F	2023	2023	0	F!E3796
RCEP F	2024	2024	0	F!F3796
RCEP F	2025	2025	0	F!G3796
RCEP F	2026	2026	0	F!H3796
RCEP F	2027	2027	0	F!I3796
VIFTA	2024	2024	4.5	VI!F3480
VIFTA	2025	2025	4	VI!G3480
VIFTA	2026	2026	3.5	VI!H3480
VIFTA	2027	2027	3	VI!I3480

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 2903.11 có 2 dòng thuế; dòng 2903.11.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Clorometan (clorua metyl).	2903.11.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2903.11.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 2903.11.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N3845), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.